

TƯ TƯỞNG GIÁO DỤC CỦA KHỔNG TỬ VÀ VẤN ĐỀ DẠY HỌC NGỮ VĂN THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

ĐINH PHAN CẨM VÂN*

*Một nền giáo dục tiến bộ được cảm rở trong kinh nghiệm
(John Dewey)*

TÓM TẮT

Đổi mới không phải là phá bỏ hoàn toàn cái cũ. Có những điều của quá khứ vẫn còn là bài học cho hiện tại. Tư tưởng giáo dục của Khổng Tử cũng là một góc tham chiếu cho công cuộc đổi mới giáo dục Việt Nam nói chung và đổi mới dạy học Ngữ văn nói riêng.

Từ khóa: Khổng Tử, giáo dục, năng lực, ngữ văn.

ABSTRACT

Confucius's Educational Thought

and the Issue of Language and Literature Competence-Driven Teaching

Innovation is not outright destruction of the old. Some lessons from the past remain useful to us. Confucius's educational thought serves as an implication for Vietnam's educational innovation in general and the agenda of Language Arts and Literature teaching innovation in particular.

Keywords: Confucius, education, competence, language arts and literature.

1. Đặt vấn đề

Cái lí của tồn tại là biến đổi, đổi mới. Đổi mới dạy học, đổi mới dạy học Ngữ văn không phải lần đầu tiên được đặt ra. Nhưng rồi, dường như càng đi về phía tương lai chúng ta càng bất ngờ khi có nhiều gặp gỡ với tiền nhân. Đó không phải quán tính từ truyền thống mà là những vấn đề được đúc rút thành quy luật luôn có sức sống vững bền, các thế hệ sau vẫn có thể vận dụng, học tập.

Thời đại Khổng Tử sống cách chúng ta đã hơn hai nghìn năm. Xã hội Tây Chu còn đang ở giai đoạn cuối nô lệ, đầu phong kiến nhưng trí tuệ Trung Hoa đã thực sự bùng nổ (Xuân Thu–Chiến quốc). Phong trào Bách gia tranh minh làm nảy sinh tầng lớp người mới, tầng lớp trí thức – “sĩ”. Các nhà lập thuyết bấy giờ tấp nập chiêu nạp

môn sinh, đến các nước chư hầu thuyết phục vua chúa dùng đường lối chính trị của mình. Cuộc đời họ có thể thay đổi nhanh chóng “sáng áo vải, chiều khanh tướng”. Các nhà lập thuyết đồng thời cũng là những người thầy. Họ đều có rất đông học trò. Với Khổng Tử, tương truyền, ông có tới hơn ba ngàn học trò. Sự nghiệp chính trị của ông chỉ năm năm, gần như ông dành trọn đời cho sự nghiệp giáo dục. Khổng Tử có nhiều quan điểm giáo dục tiến bộ, nhiều học trò thành tài, được tôn vinh là “Vạn thế sư biểu”. Về phương pháp dạy học của Khổng Tử, soi vào phương hướng dạy học phát triển năng lực trong lĩnh vực Ngữ văn ở Việt Nam hiện nay có những điểm gặp gỡ, tương đồng.

Bài viết không nhằm mục đích phân tích nội dung tư tưởng giáo dục của Khổng Tử, cũng không nhằm khẳng định hay phủ định tư tưởng giáo dục của Khổng Tử có

* TS, Trường Đại học Sư phạm TP HCM

ưu, nhược hay tích cực, tiêu cực ở điểm nào. Chúng tôi chỉ xem xét ở phương pháp giáo dục của ông, cách ông nhìn về vai trò của văn chương (môn Văn) trong sự hình thành, phát triển năng lực con người. Nho giáo phát triển qua nhiều giai đoạn, không ít vấn đề do người đời sau thêm bớt; có thể trung thành với tư tưởng Nho giáo nguyên thủy, có thể là sự bóp méo, chỉnh sửa, bồi đắp theo yêu cầu lịch sử (chẳng hạn vấn đề “Tam cương” là sản phẩm của Hán Nho, “Tôn thiên lí, diệt nhân dục” là của Tống Nho...). Những điều chúng tôi đề cập ở đây là tư tưởng giáo dục của Khổng Tử, tư tưởng giáo dục của Nho giáo thời kì đầu.

2. Nội dung

2.1. Phương pháp dạy học gợi mở

Chỉ dạy cho những người mong muốn hiểu biết. “Khổng tức bực vì không hiểu được, thì ta không bảo cho mà biết, không hậm hực vì không nói ra được, thì ta không bảo cho mà nói, nêu một góc mà không biết xét đến ba góc khác thì ta không bảo lại vậy” (*Thuật nhi, Luận ngữ*).

Đó là tinh thần chung trong giảng dạy của Khổng Tử. Nếu như giai cấp thống trị trước kia coi học tập là đặc quyền của tầng lớp thống trị, thì Khổng tử đã phá vỡ theo tinh thần mới, cởi mở hơn và đúng với bản chất của vấn đề hơn. Quan niệm “Hữu giáo vô loài” của Khổng Tử chính là xuất phát từ niềm khao khát được học, được hiểu biết của người học. Ông thu nhận tất cả các môn sinh, không câu nệ xuất thân ở tầng lớp nào, lễ vật nhiều hay ít. Ông cho rằng khi người học trò muốn học thì việc giảng dạy mới thực sự có hiệu quả. Quá trình học phải biến thành quá trình tự học, tự tìm tòi, trở thành niềm say mê của mỗi cá nhân.

Hình thức dạy học của thầy trò

Khổng Tử trước kia là hình thức đàm đạo, trao đổi, biện bác. *Luận ngữ* là cuốn sách của học trò ghi lại những lời dạy, đúng hơn là những đoạn tranh luận, trao đổi giữa Khổng Tử và học trò. Người đưa ra vấn đề không nhất thiết là người thầy. Người thầy cũng không phải là người coi ý kiến mình là chân lí, buộc học trò chấp nhận. Người thầy, trong quá trình tranh luận sẽ là người có khả năng đưa ra ý kiến thỏa đáng nhất, có lí nhất.

Trong giáo dục của Việt Nam hiện nay, phương hướng dạy học gợi mở, dẫn dắt vấn đề đang được hết sức coi trọng. Đối với bộ môn Ngữ văn, hình thức lên lớp của người thầy là đưa ra hệ thống câu hỏi theo một số tiêu chí nhất định để thâm nhập bài học. Hệ thống câu hỏi có thể từ dễ đến khó, từ cụ thể đến trừu tượng, từ chi tiết đến khái quát... Điều này phụ thuộc vào ý đồ của thầy cô giáo cũng như năng lực của đối tượng tiếp nhận. Nhìn chung, dạng câu hỏi phổ biến có tính chất dẫn dắt, gợi ý; một số trường hợp người thầy đưa ra nhận định chưa chính xác để kiểm tra thông tin, nhận thức của học trò. Người thầy không còn truyền thụ kiến thức một chiều mà luôn lắng nghe những ý kiến tham gia của học trò. Quá trình học tập trở thành quá trình tương tác.

Để thực hiện hoạt động dạy học theo hình thức này có kết quả, người thầy phải lắng nghe tất cả các ý kiến nhưng phải biết dẫn dắt người học để giúp họ có cách tư duy và lập luận đúng. Trong thời đại thông tin, học trò được truy cập kiến thức từ rất nhiều nguồn, người thầy càng phải cẩn trọng bị kiến thức nền, kiến thức chuyên môn vững vàng, có quan điểm đối thoại rõ ràng. Khi bàn về vấn đề chữ “hiếu”, trò Tử Dư đã không đồng tình với Khổng Tử, cho

rằng để tang cha mẹ ba năm là quá lâu. Khổng Tử đã trả lời: Cha mẹ sinh ra ta, ba năm đầu nuôi dưỡng rất cực nhọc. Cha mẹ mất, để tang ba năm chính là trả ơn nuôi dưỡng trong ba năm đầu đời đó. Một câu chuyện khác: “Học trò Tử Cống thỉnh giáo Khổng Tử rằng: “Người trong toàn thôn đều yêu anh ta, người như vậy có được không?” Khổng Tử nói: “Không được”. Tử Cống chùng như có phần bất mãn, thế rồi lại hỏi trái lại rằng: “Vậy thì người trong toàn thôn đều căm hận anh ta, người như vậy có được không?” Khổng Tử nói: “Cũng không được. Đúng ra phải là: người tốt trong toàn thôn đều yêu anh ta, người xấu trong toàn thôn đều hận anh ta; người như vậy mới được” [3, tr. 94]. Như vậy, học theo phương pháp đàm đạo, gợi mở đòi hỏi người thầy càng phải có lập luận chắc chắn, biết cách dẫn dắt người học đi tới chân lí.

Về phía học trò, phải có hiểu biết nhất định mới đặt ra vấn đề cùng biện bác, luận bàn. Thực tế, việc giảng dạy theo phương hướng gợi mở mang tới nhiều hứng thú cho học sinh nhưng cũng chỉ thực sự hiệu quả với học sinh khá, giỏi. Bài giảng được khai thác phong phú hơn, tránh cảm tính, suy diễn chủ quan. Cách dạy này không chỉ có kết quả tốt hơn về kiến thức mà còn rèn cho học sinh sự tự tin, mạnh dạn, dám đưa ra ý kiến bản thân. Học sinh Việt Nam trước một bài luận, họ không đưa ra những điều họ nghĩ mà nhớ xem thầy cô đã giảng về nó thế nào, cố gắng viết lại chính xác nhất. Về phía người thầy, không ngại khi học sinh phản bác, đưa ra ý kiến trái chiều, thậm chí “Không thẹn khi hỏi người dưới” (Khổng Tử). Năng lực cá nhân của thầy và trò đều được phát huy tối đa. Người thầy trở thành một nhân tố của

quá trình biện bác không còn giữ vai trò đáng toàn tri, đại diện cho chân lí. “Trong giáo dục, người thầy là người xây dựng một cộng đồng hợp tác” [2, tr. 121].

Phương pháp dạy học gợi mở và hoạt động giáo dục theo tương tác còn có tác dụng lớn trong phân hóa giáo dục. Theo định hướng đổi mới giáo dục Việt Nam sau 2015, sẽ thực hiện phân hóa từ phổ thông trung học. Khoa học cho thấy, năng lực cá nhân mỗi người không hoàn toàn giống nhau. Chúng tôi tán thành quan điểm, kiến thức phổ thông nên dạy theo hướng tích hợp đến bậc trung học cơ sở, bước sang bậc trung học phổ thông nên phân hóa, phân hóa để có những tăng/giảm phù hợp với năng lực. Chúng tôi cũng không tán thành quan điểm, ngành/ môn nào cao quý hơn, giá trị hơn. Có một thời ở bậc phổ thông chúng ta chỉ coi trọng các môn Toán, Lí, Hóa. Sinh thời, khi giảng dạy, Khổng Tử đã luôn dựa vào khả năng của mỗi học trò để có những lời dạy phù hợp nhất. Tuy rằng cách thức còn đơn sơ, đơn lẻ nhưng chứa đựng tư tưởng mới về giáo dục dựa trên phẩm tính, năng lực mỗi người. “Học trò Tử Lộ hỏi: “Nghe thầy đã làm được ngay chưa?”. Khổng Tử nói: “Các bậc cha mẹ anh còn đang sống, sao có thể vừa nghe đã có thể tự mình làm ngay nhỉ?”. Học trò là Nhiễm Hữu lại hỏi: “Nghe thầy đã làm được ngay chưa?” Khổng Tử nói: “Được! Nghe thấy thì làm ngay đi!” Một học trò khác thấy Khổng Tử cùng lúc trả lời một vấn đề mà mâu thuẫn như thế đã rất thắc mắc, Khổng Tử trả lời: “Nhiễm Hữu làm việc bình thường thì hay sợ sệt, cho nên ta muốn có mạnh bạo. Mà cái mặt của Tử Lộ thì lớn gấp đôi người ta, cho nên ta muốn đè ép bớt đi” [3, tr. 95]. Ông đã giảng dạy và định hướng trên cơ sở của bản tính, khí

chất vốn có ấy. Phương pháp đàm đạo, tạo cơ hội cho người thầy tiếp xúc và lắng nghe, đồng thời quan sát người học, biết được khả năng từng người. Đây cũng là chỗ để thầy người thầy có thực sự là một nhà giáo dục hay không, có khả năng hiểu biết con người hay không. Quá trình giảng dạy của người thầy và quá trình người trò tự nhận thức về bản thân sẽ giúp định hướng phát triển năng lực cho học trò. Đó cũng là góp phần thực hiện phân hóa giáo dục. Mục đích của giáo dục chính là giúp học sinh trưởng thành, bước vào đời thành công.

2.2. Phát triển năng lực giao tiếp và quan điểm “Bất học thi vô dĩ ngôn”

Chương trình và sách giáo khoa ở Việt Nam sau 2015 sẽ đổi mới theo hướng phát triển năng lực của người học. Mỗi bộ môn, dựa vào đặc thù, xác định sẽ phát triển năng lực gì ở học sinh. Việc xác định này ở từng bộ môn chưa hoàn toàn thống nhất. Môn Ngữ văn cũng đang trong tình trạng như thế. Tuy vậy, một trong những đích phát triển năng lực của môn Ngữ văn được nhiều ý kiến đồng tình, là phát triển năng lực giao tiếp (đọc, nói, nghe, viết). Đọc và nghe là năng lực tiếp nhận; nói và viết là năng lực thể hiện. Đọc gì, nghe gì là điều không đơn giản. Trong thời đại bùng nổ thông tin điều đó càng là sự thách thức đối với đối tượng tiếp nhận. Sự lựa chọn thông tin đã bao hàm năng lực quan sát, đánh giá. Từ việc đọc và nghe, học sinh phải biết cách vận dụng để tạo ra các văn bản nói và viết. Từ đó rèn luyện khả năng tư duy độc lập, trình bày vấn đề, biện luận, biện bác theo chủ kiến bản thân. Những yêu cầu này đối với giáo dục Việt Nam nói chung có vẻ còn rất mới và con đường thực hiện những thao tác trên chắc chắn không

đễ dàng. Mô hình giáo dục truyền giảng một chiều ngấm vào máu nhiều thế hệ khiến quá trình học tập trước nay là quá trình rất thụ động. Thay đổi thói quen tư duy, cách thức làm việc là tất yếu nhưng không thể một sáng một chiều. Thực tiễn đòi hỏi giáo dục phải đổi mới, bộ môn Ngữ văn sẽ góp phần tích cực đào tạo ra thế hệ học sinh chủ động và tự tin hơn, góp phần đánh thức ý thức cá nhân, khơi gợi những năng lực tiềm ẩn trong mỗi con người.

Người cách chúng ta hơn hai ngàn năm, Khổng Tử, không chỉ luôn phát huy khả năng quan sát, nắm bắt vấn đề của mỗi cá nhân mà còn xác định rất rõ mục tiêu học tập môn Văn, thấy được vai trò của môn Văn trong việc rèn luyện khả năng giao tiếp. Tuy nhiên cũng phải nói công bằng, vấn đề phát triển năng lực giao tiếp trong môn Văn ngày nay có những cơ sở lí luận tốt hơn thời Khổng Tử, khi việc dạy học để phát triển năng lực giao tiếp được dựa trên những kết quả nghiên cứu của lí thuyết và thực nghiệm công phu, tập trung thành bốn kỹ năng cơ bản: nghe, đọc, nói và viết. Với Khổng Tử, ông chỉ phát biểu ngắn gọn “Bất học Thi vô dĩ ngôn” – không học thơ (Kinh thi) không có gì để nói. (Sách *Tả truyện* cũng nhấn mạnh lại quan điểm này: “Ngôn chi vô văn, hành nhi bất viễn” – lời nói không có văn không thể đi xa được). Cái “nói” ở đây cũng được giới hạn cụ thể là giao tiếp, ngoại giao với các nước chư hầu. Bấy giờ các nhà thuyết khách muốn thuyết phục các chính khách, hoặc muốn cuộc du thuyết của mình thành công rất cần nói năng uyển chuyển, hoa mỹ, biết vận dụng lí lẽ của *Kinh thi*. Mặc dù phạm vi giao tiếp chỉ trong tầng lớp quý tộc nhưng điều đó cho thấy Khổng Tử đã luôn gắn nội dung, mục đích môn học với

yêu cầu thực tiễn.

Mối liên hệ cần làm sáng tỏ ở đây là trong nội dung của *Kinh thi*, cũng như nội dung giảng dạy Ngữ văn sắp tới cần đạt tới những vấn đề cụ thể gì để việc giảng dạy Ngữ văn ngày càng đi đúng đặc trưng và có ý nghĩa thiết thực. *Kinh thi* là sách giáo khoa dạy học trò, và như vậy, học *Kinh thi* không chỉ dừng ở việc để biết gì mà còn là để làm được gì. *Kinh thi* là tác phẩm văn chương phản ánh mọi mặt của đời sống xã hội cổ đại Trung Quốc, được biên soạn theo tinh thần Nho giáo. Tư tưởng Nho giáo trở thành đầu mối xuyên suốt, tập hợp các tác phẩm. Ở đây chúng tôi không bàn, không khẳng định nội dung học tập của Nho giáo còn hợp thời hay không, hay đang trở thành lực cản đối với các nước phương Đông, mà nhìn nhận trên phương diện phương pháp luận để thấy trong việc phát triển năng lực giao tiếp bộ môn Ngữ văn còn phải bao hàm việc trang bị những căn cốt của văn hóa, tư tưởng dân tộc, tư tưởng thời đại. Bốn thao tác đọc, nghe, nói, viết vận dụng có hiệu quả, đòi hỏi những tác phẩm văn chương trong chương trình giáo khoa phải có khả năng tích hợp lớn. Điều quan trọng hơn cả là cần có một tư tưởng thống nhất và quán xuyên toàn bộ nội dung sách giáo khoa Ngữ văn. Tư tưởng ấy là điểm tựa để biên soạn nội dung sách giáo khoa Ngữ văn các cấp. Chúng ta có thể kì vọng, một chương trình học Văn ở nhà trường phổ thông sẽ giúp con người Việt Nam hình thành nên những nếp nghĩ, nếp tư duy, nhân sinh quan, thế giới quan vững bền. Như vậy, để năng lực giao tiếp phát triển, không chỉ đòi hỏi biết cách dùng chữ, đặt câu, lập luận, tạo lập văn bản... mà còn là cách nhìn, cách nghĩ đúng đắn trong môi trường văn hóa dân tộc tương thông

với thế giới. Khi có một nền tảng tư tưởng chắc chắn, rõ ràng thì sự trình bày mới rành mạch và tranh luận mới có ý nghĩa.

2.3. Phát triển năng lực thẩm mỹ và quan niệm “Tiên học lễ, hậu học văn”

Hướng tới cái đẹp là một trong những biểu hiện văn minh của xã hội loài người. Có thể ở một giai đoạn nào đó của dân tộc, vì chiến tranh, vì đói nghèo, nhu cầu thẩm mỹ bị coi là xa xỉ, tiêu tư sản. Trong cuộc đời mới lần này, yêu cầu môn Văn phát triển năng lực thẩm mỹ cho người học là một cái nhìn tiến bộ, đúng đắn và hợp lí. Nghĩa gốc của “văn” là đẹp (văn vẻ), vẻ đẹp của hình thức bên ngoài. Khổng Tử cho rằng, người quân tử phải rèn luyện cả vẻ đẹp bên trong (chất) và vẻ đẹp bên ngoài (văn) làm sao đạt đến độ “Văn chất bản bản” (Sự hài hòa, không còn phân biệt hình thức và nội dung).

Phát triển năng lực thẩm mỹ trong bộ môn Văn sẽ không giống các ngành nghệ thuật như hội họa, âm nhạc... giúp con người biết thế nào là một giai điệu đẹp, một sắc màu đẹp... Môn Văn giúp học sinh có cái nhìn đúng đắn về cái đẹp: thế nào là suy nghĩ đẹp, hành động đẹp, lời nói đẹp, tâm hồn đẹp... Từ những hiểu biết lí thuyết biến thành ứng xử trong xã hội. Điều này trong giảng dạy môn Văn trước nay không phải người thầy không có ý thức hay không làm mà là chưa đặt ra thành một mục đích chính cần đạt đến trong quá trình giảng dạy. Người thầy dạy Văn được mệnh danh là “kĩ sư tâm hồn” chính vì ý nghĩa công việc cao cả như thế.

Khẩu hiệu “Tiên học lễ, hậu học văn” là sự đúc rút từ tư tưởng giáo dục của Khổng Tử. Ở đây chúng tôi không bàn đến nội dung của “văn” và “lễ” trong học thuyết Nho giáo nhưng xét về phương

pháp, cách nghĩ/ làm của Khổng Tử vẫn có sức thuyết phục. Nho giáo đã chú trọng “dạy người” trước, dạy chữ sau. Trước hết là học lễ – những quy định, chuẩn tắc của con người, của xã hội loài người; tiếp đó là văn hóa tri thức. (Thực ra không phải hết quá trình này mới đến quá trình kia, cách nói này nhằm nhấn mạnh việc rèn người quan trọng hơn việc rèn tài).

Năng lực thẩm mỹ trong môn Văn cần hướng tới mục đích rèn người. “Văn” của con người là lời nói đẹp, hành động đẹp, tức là những điều được biểu hiện ra bên ngoài. Người Việt Nam có câu ca dao ý nghĩa tương tự: “Lời nói không mất tiền mua. Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau”. “Văn” của con người còn được thể hiện qua “lễ” – những quy định trong giao tiếp, ứng xử, quan hệ. Nho giáo rất chú trọng “tu thân”, luôn có ý thức trau dồi để bản thân ngày càng đẹp đẽ hơn, cho đó là cái gốc quyết định sự thành công của người quân tử. Ở đây có thể sẽ có ý kiến phản biện rằng, nếu dạy môn Văn như vậy, chẳng khác nào dạy môn Đạo đức, Giáo dục công dân. Đặc thù và sức mạnh của văn chương chính là thông qua hình tượng để bày tỏ tư tưởng. Do vậy khả năng cảm hóa của văn chương mạnh hơn nhiều so với những ngành khoa học xã hội tương cận. Khổng Tử còn hiện đại hơn chúng ta nghĩ khi dạy văn kết hợp với nghệ thuật. *Kinh thi* là những khúc dân ca, nhạc cung đình, tế lễ kèm theo vũ đạo. Những vấn đề của luân lý Nho giáo đã được truyền đạt bằng con đường nghệ thuật, như thể luân lý đã trở thành món ăn không đến nỗi “khó nuốt”. Cũng có thể có ý kiến phản biện rằng, giáo dục ngày nay theo tinh thần khai phóng việc đưa ra các hình mẫu, chuẩn tắc là hết sức lỗi thời. Quả là một trong những

biện pháp giáo dục của Nho giáo là đưa ra các hình mẫu, người người theo đó mà uốn nắn, nhà nhà theo đó mà sửa mình. (Di họa của cách thức này trong môn Văn là sự ra đời văn mẫu). Sự khai phóng cá nhân là cần thiết để đáp ứng nhu cầu thời đại mới, nằm trong chuẩn mực xã hội mới yêu cầu. Môn Văn giúp hình thành những con người thời đại. Cái khó của giáo dục ngày nay ấy là, xã hội đã thay đổi nhưng giáo dục vẫn theo lối cũ.

Trong Đề án đổi mới giáo dục lần này nhấn mạnh việc dạy người. Mô hình con người Việt Nam được nêu lên là biết yêu gia đình, Tổ quốc... Đối với các quốc gia phương Đông, với tư duy và quan điểm của cư dân nông nghiệp định canh định cư, luôn đề cao huyết thống lại hết sức tránh hình thành “chủ nghĩa” gia đình, chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi.

3. Kết luận

Tri và hành là hai mặt không thể tách rời trong đào tạo theo hướng phát triển năng lực. Trước hết là phát huy tính chủ động, vai trò tích cực của người học và sau nữa là dựa vào đặc thù môn học để không chỉ cung cấp kiến thức mà còn giúp người học phát triển khả năng tư duy độc lập, kỹ năng sống. Đội mới không có nghĩa là phá bỏ hết. Có nhiều điều từ quá khứ vẫn còn ý nghĩa với hiện tại. Về mặt lý thuyết, dạy học Ngữ văn theo hướng phát triển năng lực là rất cần thiết. Tuy nhiên ở Việt Nam từ lý thuyết đến thực tế dường như còn khoảng cách rất lớn. Năng lực của đội ngũ giảng dạy, nguồn tài liệu, trang thiết bị... những yếu tố cơ bản để giờ dạy Văn thành công còn nhiều bất cập. Với đặc trưng của môn Văn, theo cách dạy truyền thống, có những giờ giảng văn trước kia, thầy cô thực sự cuốn học sinh vào những suy nghĩ

cảm xúc cá nhân, tạo được ấn tượng khó quên. Với cách dạy mà chúng ta đang đặt nhiều kỳ vọng phải làm sao tránh tình trạng “băm nát” tác phẩm, những vấn đề trọng tâm cần thiết học trò không nắm được mà cố khi chỉ nhớ vài hình ảnh nào đó mà thầy cô trình chiếu. Giờ Văn phải tạo được cảm hứng, lan truyền cảm hứng giữa thầy trò. Xin đừng nghĩ, cảm hứng ở đây chỉ là vấn đề cảm xúc mà chủ yếu là niềm vui sướng

khi hiểu ra chân lí. Từ đó giúp con người trưởng thành hơn trong suy nghĩ, hành động. Đích đến còn xa ngái nhưng không thể không bước. Giáo dục Việt Nam nói chung, môn Ngữ văn nói riêng đang đứng trước sự lựa chọn các mô hình để học tập. Việc học tập từ bên ngoài, là Đông hay Tây, chỉ thực sự thành công khi chúng ta hiểu đúng chính mình.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đàm Gia Kiện (chủ biên) (1993), *Lịch sử Văn hóa Trung Quốc* (Trương Chính và tác giả khác dịch), Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
2. John Dewey (2012), *Kinh nghiệm và giáo dục* (Phạm Anh Tuấn dịch), Nxb Trẻ, TPHCM.
3. Phạm Quỳnh (1999), *Bách gia chư tử giản thuật* (Nguyễn Quốc Thái dịch), Nxb Văn hóa Thông tin, TP Hồ Chí Minh.
4. Hoàng Tụy, *Mở đường cho giáo dục khai phóng*, <http://vietnamnet.vn/vn/giao-duc/93624/mo-duong-cho-giao-duc-khai-phong.html>, truy cập 20 giờ, 16-02-2014.
5. Bùi Mạnh Hùng, *Để Ngữ văn trở thành môn học phát triển năng lực tư duy*, <http://tiasang.com.vn/Default.aspx?tabid=113&News=4070&CategoryID=6>, truy cập 22 giờ, 01-02-2014.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 28-01-2014; ngày phản biện đánh giá: 06-02-2014;
ngày chấp nhận đăng: 11-02-2014)